

Bản án số: 11/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC – TỈNH THANH HÓA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Xuân Thành
2. Ông Vũ Văn Long.

Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ninh Thị Hải — Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc.

Hôm nay ngày 20/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2017 về việc: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXX-ST ngày 16/6/2017 giữa các đ- ong sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị A** - sinh năm 1987
Nơi ĐKNKTT: Thôn Cao Hòa, xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh hóa.
Nơi ở hiện nay: Thôn Quang Hưng, xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh hóa.

Bị đơn: Anh **Phạm Văn B** - sinh năm 1978
Địa chỉ: Thôn Cao Hòa, xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh hóa.
Tại phiên tòa có mặt chị A, vắng mặt anh B.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 18/4/2017 và bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn B xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc vào ngày 31/12/2009.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận không xảy ra mâu thuẫn gì, cho đến khi anh B đi buôn bán ga vào tháng 07/2014; sau khoảng 01 tháng kể từ ngày anh B buôn bán vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh B từ ngày đi buôn bán lâm vào ăn chơi, quán xá rượu chè, không còn quan tâm đến gia đình vợ con, sau những lần rượu say về nhà chửi bới nhục mạ

chị; bản thân chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh B vẫn không thay đổi, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và nặng nề hơn. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng tháng 11/2015 đến nay chị đã về sinh sống tại thôn Quang Hưng, xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai. Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B.

Về con chung : Chị và anh B có 02 con chung: cháu Phạm Anh C - sinh ngày 20/8/2010 và cháu Phạm Quỳnh D – sinh ngày 08/3/2015. Ly hôn nguyện vọng của chị xin đ- ợc nuôi 02 con và yêu cầu anh B cấp d- ỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ(750.000đ/cháu) cho đến khi các cháu thành niên. Trường hợp chị không được nuôi 02 con thì chị xin được nuôi dưỡng cháu D, còn để anh B nuôi dưỡng cháu C; hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn anh Phạm Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh B thống nhất nh- ý kiến của chị A về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là do làm ăn khó khăn nên hay xảy ra cãi cọ nhau, sau đó chị A tự ý bỏ về bên ngoại ở. Khi chị A về bên ngoại ở cũng đã được cơ quan hòa giải nên chị A quay về đoàn tụ, nhưng chỉ được thời gian ngắn chị A lại về dưới ngoại để sinh sống. Do công việc nên thỉnh thoảng anh vẫn đến thăm con cái và chị A. Ngoài ra do đặc thù công việc, anh cũng hay phải đi giao lưu khách hàng, bạn bè, thỉnh thoảng có uống rượu, về nhà chị A nói nặng lời với anh nên vợ chồng lại xảy ra cãi cọ nhau.

Nay chị A có đơn khởi kiện xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên anh mong muốn đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Nếu chị A cương quyết xin ly hôn anh thì anh cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị A.

Về con chung: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị A về số con chung, tên tuổi của cháu. Ly hôn, anh có nguyện vọng xin nuôi 02 con và không yêu cầu chị A cấp d- ỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị A vẫn giữ nguyên quan điểm xin đ- ợc ly hôn anh B.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa hôm nay anh B đã đ- ợc triệu tập hợp lệ lần 2 nh- ng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 điều 227 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn B.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị A và anh Phạm Văn B kết hôn với nhau từ năm 2009, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ới, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Anh B, chị A đều cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến tháng 07/2014 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là làm ăn thua lỗ, nên vợ chồng có th- ờng xuyên xảy ra cãi cọ, va chạm với nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 11/2015 đến nay chị A về bên ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau, mỗi ng- ời sống mỗi nơi, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị A, anh B cũng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, chị A có yêu cầu xin ly hôn, anh B cũng đồng ý. Xét việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ điều 55 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.

Về con chung: Chị A, anh B có 02 con chung: cháu Phạm Anh C - sinh ngày 20/8/2010 và cháu Phạm Quỳnh D – sinh ngày 08/3/2015. Ly hôn anh B, chị A đều có nguyện vọng đ- ợc trực tiếp nuôi con và tại phiên tòa chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Nguyện vọng của anh chị là hoàn toàn chính đáng, nh- ng việc giao con cho ai nuôi phải dựa trên quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu. Trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì cháu D cho đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm cháu ch- a đủ 3 tuổi. Vì vậy căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a mục 11 NQ 02/2000/NQ — HĐTP ngày 23/12/2000 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao giao cháu D cho chị A trực tiếp nuôi d- ỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Về cháu C, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu C ở với chị A, hiện cháu đang học tại Trường tiểu học Quang Trung II, huyện Ngọc Lặc nơi chị A đang ở, việc học tập và sinh hoạt của cháu rất tốt và đảm bảo. Hiện nay chị A đang công tác tại Bệnh viện đa khoa huyện Ngọc Lặc, thu nhập ổn định hàng tháng là 6.000.000đ. Đối với anh B Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần và tại phiên tòa hôm nay anh B vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ anh B không có thiện chí với nguyện vọng nuôi con của mình, nên nguyện vọng của anh B không đủ cơ sở để chấp nhận. Như vậy, giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và cháu D, anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Chị A, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

Về án phí : Chị Lê Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn B và chị Lê Thị A.

- *Về con chung*: Cháu Phạm Anh C - sinh ngày 20/8/2010 và cháu Phạm Quỳnh D – sinh ngày 08/3/2015 là con chung của anh Phạm Văn B và chị Lê Thị A. Giao cháu C và cháu D cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị A.

Anh B có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị A phải chịu 300.000đ án phí DSST nh- ng đ- ọc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 1816 ngày 20/4/2017 của D cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, chị A đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Anh vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ọc bản án hoặc ngày niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đ- ồng sự;
- VKS huyện Ngọc Lặc;
- THA huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã Ngọc Khê;
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- L- u hồ sơ.

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán ☐ Chủ tọa phiên tòa

